TRÊN CON ĐƯỜNG TRUYỀN GIÁO…

Bài của NGUYỄN ĐỨC CUNG

Xóm đạo quê tôi có tên là làng Tam Toà thuộc thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình vốn là một địa điểm truyền giáo của Cha Đắc Lộ (Alexandre de Rhodes), một vị linh mục Dòng Tên đã đặt chân đến vào năm 1645 vốn có tên là Động Hải là một trong bốn giáo xứ tiên khởi phía Nam sông Gianh. Giáo xứ Động Hải cùng với ba giáo xứ kia là Đại Phong, Trung Quán, Dinh Mười vốn có tên trong bản báo cáo của Linh mục Lôrensô Lâu gửi về Toà Thánh Rôma tháng 12/1692). Trải qua bao biến thiên của thời cuộc, giáo xứ Động hải được đổi tên là họ Luỹ, rồi họ Sáo Bùn rồi có tên là Tam Toà vào năm 1886 khi được cha Claude Bonin (Cố Ninh) gom dân chúng thuộc bốn giáo xứ nói trên tản mác sau trận Văn Thân giết đạo ngày 25/6/1885, tái lập lại xứ đạo trên rẻo đất phía bắc tỉnh thành Đồng Hới, với một ngôi thánh đường bằng tre tranh mái rạ. Năm 1940, linh mục Morineau (Cố Trung) cho xây lại thánh đường Tam Toà bằng gạch ngói rất khang trang theo kiểu Gothique của châu Âu và phối hợp xin Sở Công Chánh tỉnh cho xây kè đá dọc theo bờ sông Nhật Lệ từ cầu Mụ Kề cho tới Khe Nước (cống thông thuỷ của xã Hải Thành hiện nay, giáp giới khu vực của Viện Dục Anh, một cơ sở xã hội của Dòng Mến Thánh Giá Tam Toà coi sóc. Một con đường chia đôi làng theo chiều dọc chạy từ con hào thành cổ Đồng Hới xuống cuối làng được linh mục Morineau đặt tên là "Đường Truyền Giáo" (Rue de la Mission) như nhắc nhở cho người giáo dân nhiệm vụ cao trọng của mình. Con đường mang tên "Đường Truyền Giáo" đó ngày nay có tên Nguyễn Du chạy ngang trước mặt nhà thờ cổ Tam Toà, Thành phố Đồng Hới, Quảng Bình, dọc theo bờ con sông Nhật Lệ.

Người Pháp thường hay nói: "*Lịch sử là một sự lặp lại thường xuyên"* nguyên văn là: *"L'histoire est un perpétuel recommencement".* Câu nói này chí ít cũng đã được nhắc tới nhắc lui nhiều lần đối với bất cứ sinh viên ngành Sử nào ở nhiều quốc gia trên thế giới trong đó có bản thân tôi. Ý nghĩa của câu nói này có lẽ phần nào chịu ảnh hưởng từ tư tưởng của một nhà hùng biện và cũng là chính khách cổ La Mã, Marcus Tullius Cicero (106-43 trước TL) từng nói rằng *"Lịch sử là ông thầy dạy của cuộc đời" (Historia magistra vitae).* Sự đời nhiều khi diễn ra cũng oái oăm bởi vì có người nghe nói rằng lịch sử sẽ tái diễn thì mừng nhưng có kẻ nghe qua lại sợ… Trong lãnh vực tôn giáo, sự kiện này cũng không phải là hiếm có như vài câu

chuyện sau đây trước hay sau cũng đều được ghi lại làm bài học chiêm niệm. Tất cả đều nói lên ý nghĩa khẩn thiết của công tác truyền giáo thông qua sự cầu nguyện trong đời sống người tín hữu vốn là sức mạnh làm đổi thay cuộc sống con người.

I.- TỪ VIỆT NAM, LINH MỤC SẢNG ĐÌNH NGUYỄN VĂN THÍCH (1891-1979) VÀ CUỘC SỐNG RAO GIẢNG TIN MỪNG.

Nói đến xứ Huế, người Công Giáo đất Thần Kinh thường hay nhắc tới một vị linh mục gồm đủ nhiều tài năng thuộc nhiều lãnh vực như thi văn, hội họa, âm nhạc ngoài ra còn là một nhà giáo dục nổi tiếng đó là linh mục Sảng-Đình Nguyễn Văn Thích. Những vần thơ và những tác phẩm nghệ thuật của linh mục Sảng Đình thuộc nhiều thể loại, gồm nhiều chủ đề trải rộng theo chiều dài cuộc đời của nhà chân tu khả kính và nhà nhà báo cựu trào này vốn được rất nhiều người thuộc mọi thành phần ở Huế trọng vọng, kính mến, đã đi vào tâm thức của giới độc giả xa gần, quyện với những chốn thắng tích danh lam đã góp phần làm cho cố đô trở thành đất văn vật.

1.- Một con người nhiều tài năng.

Linh mục Sảng Đình Nguyễn Văn Thích sinh ngày vào giờ sửu (13 giờ đến 15 giờ) ngày 20 tháng 8 năm tân mão (1891) tại làng An Thái, phủ An Nhơn, tỉnh Bình Định khi thân phụ ngài là cụ Phó bảng Nguyễn Văn Mại làm tri phủ tại Bình Định. Mẹ ngài là bà Thân Thị Vỹ, con gái cụ Thân Trọng Đôn, người làng An Lỗ, huyện Phong Điền, Thừa Thiên, thuộc dòng dõi thế phiệt trâm anh tại Huế. Cụ Nguyễn Văn Mại vốn gốc làng Niêm Phò (tục gọi làng Kẻ Lừ), tổng Phước Yên, huyện Quảng Điền, Thừa Thiên, là một nhà khoa bảng đã có nhiều công lao trong chốn hoạn trường thời nhà Nguyễn và nhất là đã góp công điều hành trường Quốc Học Huế trong giai đọan sơ khởi của cơ sở giáo dục này.

Thuở nhỏ, linh mục học chữ Hán với thân phụ, lúc mới 4 tuổi đã học biết bài thơ *Xuân Hiểu* của Mạnh Hạo Nhiên lớn lên theo đòi Nho học nhưng vì lận đận chốn trường ốc (hai lần rớt trường ba nên bỏ thi Hương) đành giã từ cái học nhà nho để theo đòi Tân học. Thời thanh niên, linh mục theo học tại trường Quốc Học và trường Pellerin của Dòng Sư Huynh Thiện Giáo tại Huế, tốt nghiệp Trung Học và Sư Phạm, được bổ Trợ giáo Pháp Việt trường tỉnh Khánh Hòa trong tháng 2 năm 1911. Ngày 29-6-1911, Sảng Đình trở lại đạo Công giáo, sau "**ba năm cầu nguyện**" chịu phép rửa tội tại nhà thờ Bình Cang (Nha Trang) mặc dù cụ thân sinh của ngài là Nguyễn Văn Mại phản đối với những biện pháp quyết liệt. Người ta kể rằng thầy Thích bị nhốt kỹ trong nhà, thầy liều mạng trèo lên gỡ mái ngói thoát ra ngoài rồi cải trang

làm con gái ra ga mua vé đi Cửa Tùng, Quảng Trị là nơi có Tiểu Chủng Viện An Ninh. Ông cụ thuê người đón đường bắt lại nhưng bị thất bại. (Lê Ngọc Bích, *Sưu tập thơ văn nhạc họa của Linh mục Sảng Đình Nguyễn Văn Thích,* Sài Gòn 2003, trang 14). Sau đó Sảng Đình xin đi tu tại Tiểu Chủng viện An Ninh và được phong chức thánh linh mục ngày 18-12-1926. Trong nhà thầy cũng có xẩy ra một chuyện lớn đó là cô Như Ngộ, em gái của thầy đã bí mật theo đạo Công Giáo, xin được nhập dòng tu Carmel gọi là "Dòng Kín". Cô này trước đây cũng dạy học cùng người anh là thầy Thích tại Khánh Hòa, sau đó cô đổi ra dạy tại trường Nữ Hà Tĩnh. Năm 1919, Cô về nghỉ hè ở Huế cùng với gia đình. Một hôm Cô bỏ nhà ra đi vào lúc 11 giờ trưa, chỉ mang theo một bộ quần áo và để lại một bức thư cùng với tất cả nữ trang. Khi đọc lá thư, cả nhà đều khóc, mới hay Cô đã xin vào Dòng Kín Carmel Kim Long, Huế. Mẹ bề trên là Marie de l'Aimée Nguyễn Hữu Thị Tài (con Cụ Thượng Thư Nguyễn Hữu Bài) đã đón tiếp Cô. Lúc bấy giờ Cô đổi tên là Nguyễn Thị Ngọc. Mẹ của Cô, bà Nguyễn Văn Mại, đã đến nhà dòng chưởi mắng. Sau đó cụ Nguyễn Văn Mại đích thân đến Dòng lôi kéo con gái về nhà. Nhưng Cô khóc lóc nằm trì xuống đất. Ông bà thân sinh đành chịu thua. Đến ngày 29 tháng 9 năm 1921, cô Nguyễn Thị Ngọc được mặc áo dòng, lấy tên dòng là Marie de l'Eucharistie. Lễ khấn dòng của Cô được tổ chức long trọng, có mặt gia đình cụ Thượng Thư Nguyễn Hữu Bài (Bộ Lại), gia đình cụ Nguyễn Văn Mại, và anh ruột cô là Nguyễn Văn Thích lúc đó còn là thầy đại chủng viện (chưa chịu chức linh mục). Theo lời kể của Đức Cha Hồ Ngọc Cẩn trên báo *"Nam Kỳ* Địa *Phận"* số 663, năm 1921 thì trước quyết tâm tận hiến cho Chúa của hai người con đạo hạnh, cụ Nguyễn Văn Mại dần dần mến phục chí khí của hai người, và từ đó Cụ có cảm tình với đạo Công Giáo. Cụ cũng nói: "*Bây giờ là thời tự do tín ngưỡng nên ta cũng không cấm đoán con được."* Cụ ông Nguyễn Văn Mại mất năm 1945, thọ 87 tuổi và được LM Thích ban phép rửa tội cho thân phụ. Cụ bà Nguyễn Văn Mại mất năm sau (1946) thọ 84 tuổi cũng được phúc làm con Chúa qua tay linh mục người con ruột của mình là cha Thích. Ngoài ra cha Thích cũng có một người cháu gái tên là Tê-rê-sa QUẬT HỒNG cũng trở lại đạo Công Giáo và mất sớm. Cha Thích thường **cầu nguyện riêng** với người cháu này. Qua cha Thích, tôi học được sức mạnh thiêng liêng của lời cầu nguyện.

Với sở trường là nghề dạy học nên linh mục Nguyễn Văn Thích được giáo quyền cử làm giáo sư tại các trường Công giáo ở Huế như Trường Dòng Thánh Tâm, Trường Providence (Thiên Hựu) và năm 1937 làm giáo sư Tiểu chủng viện An Ninh, Quảng Trị. Năm 1942, ngài được điều về làm tuyên úy trường Pellerin (Bình Linh), rồi Tổng tuyên úy Hướng Đạo Toàn quốc.

Năm 1946, cha Thích làm chánh xứ Xuân Long (Huế). Ngài được giáo quyền ủy thác chuyên trách về giáo dục thiếu nhi, lập dòng "Ả Vườn Trẻ" mà lý thuyết được ngài trình bày trong sách *L'éducation Des Sens.* Linh mục thiết lập Vườn Trẻ

Hương Linh ở phía tay mặt trường Bình Linh. Từ năm 1959, linh mục Nguyễn Văn Thích dạy chữ Hán ở Viện Hán Học Huế, Trường Đại Học Văn Khoa Huế. Năm 1970, ngài về hưu trí nhưng vẫn tiếp tục dạy học tại Viện Đại Học Huế và Sài Gòn. Ngày 10 tháng 12 năm 1978, linh mục Nguyễn Văn Thích qua đời và được an táng trên núi Thiên Thai.

Thuở sinh thời, linh mục Nguyễn Văn Thích sáng lập và làm chủ bút báo VÌ CHÚA là tuần báo tam ngữ Việt-Hán-Pháp số đầu ra ngày 18-9-1936, đăng đủ mọi bài các thể loại. Nhân dịp đệ nhất chu niên báo này, cụ Phan Bội Châu có một bài thơ bằng chữ Hán "*Thơ mầng Báo Vì Chúa chu niên* " như sau:

"Lô dã văn chương hà chúa đào
Nguyện tương chân lý chú đồng bào
Cổ kim đại đạo Thiên trường tại
Âu Á tân trào nhạc bất dao
Xích tử mãn hoài phương đãi bộ
Hôn hình bỉnh chúc cảm từ lao
Kim chu hựu hựu lai chu đáo
Xứ xứ chiên đàn mộc thánh cao."

SÀO NAM

"Văn chương lò bệ sẵn khuôn trời
Chân lý đưa ra đúc thây người.
Đạo ố xưa nay Trời mãi mãi
Sóng đầu Âu Á núi hoài hoài.
Bé con trước bụng đương chờ mớm
Đuốc lớn đường khuya phải cố soi.
Đầy tuổi còn còn đầy tuổi nữa
Bầy chiên khắp xứ tắm ơn ngài."

(Báo VÌ CHÚA số 52, ngày 8.10.1937)

Một bài "*Mừng Xuân Báo Vì Chúa*" của cụ Phan Bội Châu như sau:

Lòng ta vì Chúa, Chúa vì ta,
Rước thánh thần về, đuổi quỷ ma!
Đường lối quang minh lên tột đỉnh,
Ai rằng thiên quốc ở đâu xa!

Phan Bội Châu

(Báo Vì Chúa số 21 ngày 19 Février 1937 - Xuân Đinh Sửu)

Tuần báo VÌ CHÚA được phát hành khá sâu rộng nhất là tại các tỉnh miền Trung và đã sống đến năm 1945 thì tự đình bản. Nhờ cơ quan ngôn luận này, các hoạt động tôn giáo, văn hóa được triển khai và nảy nở tốt đẹp.

Khi viết báo, linh mục Nguyễn Văn Thích thường ký tên J.M.T hoặc J. M. Thích hoặc Kẻ Lừ trên các bài luận văn, tạp thuyết. Trong khoảng năm 1945-1946, tạp chí *Tổ Quốc* xuất bản ở Huế cũng được cha Nguyễn Văn Thích cộng tác thường xuyên. Một số các tạp chí khác như nguyệt san *Vinh-Sơn* do linh mục Nguyễn Văn Lập (1911-2001) chủ trương từ năm 1949-1958 tại Huế và nguyệt san *Nguồn Sống*, khoảng năm 1958-61 của giáo phận Huế cũng được linh mục Sảng Đình cộng tác rất nhiệt thành. Ngoài ra ngài cũng thường xuyên viết bài cho *Cổ học quý san* vốn là cơ quan ngôn luận củahội Cổ học được thành lập tại Huế.

Ngoài kỹ năng làm báo, linh mục Nguyễn Văn Thích còn là một họa sĩ. Tại Tòa Giám mục Huế hiện còn trưng bày bức họa "*Từ Mẫu*" (Mater Misericordiae) do ngài vẽ. Các bức họa như *Thác lớn Bạch Mã,* hoặc bức tự họa *Trầm ngâm chiếc bóng dựa bên tường* (báo *Vì Chúa* số 144, ra ngày 12-11-1939) đã để lại nhiều ấn tượng trong lòng người xem. Ngoài ra ngọn bút tài hoa của ngài còn toát lộ trong rất nhiều câu đối bằng chữ Hán ngài viết tặng các giáo đường, các đại chủng viện như ở nhà thờ Tam Kỳ (Quảng Nam), đại chủng viện Xuân Bích (Huế), thí dụ hai câu tặng cho cơ sở này như:

Hậu ngô chi sanh giáng thế cánh thành ngô thánh lữ,
Bảo ngã dĩ đức tuẫn thân hoàn tác ngã thần lương.

Dịch nghĩa là:

Vì rộng lòng thương chúng tôi Người đã sinh xuống thế mà trở nên bạn thánh đồng hành với chúng tôi.

Để nuôi sống chúng tôi Người đã hiến thân hy sinh mà làm nên lương thực (thần lương) cho chúng tôi.

Câu đối tặng nhà thờ Tam Kỳ như sau:

Thế giới đại đồng Thiên tác chủ
Tam kỳ hợp nhất Đạo vi quy.

Dịch nghĩa là:

Thế giới này có đại đồng thì (do) Trời làm chủ,
Tam kỳ có hợp nhất thì (phải lấy) Đạo làm quy củ, phép tắc.

Trong lãnh vực thư pháp, nhiều người nhắc nhở đến nét bút rồng bay phượng múa của linh mục Nguyễn Văn Thích và cho rằng nét bút của ngài không thua kém thủ pháp của tay đại danh bút Trung Hoa Vương Hy Chi đời nhà Tống. Trong một bài viết đăng trên báo *Xuân Tuổi Trẻ* cách đây mấy năm, Hoàng Phủ Ngọc Phan đã có nhắc đến một bức tranh thư pháp viết chữ *Mẫu* của linh mục tặng một gia đình hiện còn lưu giữ ở Pháp.

Thêm một tài năng nữa của linh mục Nguyễn Văn Thích là âm nhạc. Linh mục có thể sử dụng được các nhạc cụ dân tộc như đàn tranh, đàn bầu, sáo trúc, thông hiểu các thể loại dân ca miền Trung, đặc biệt là của Huế như các điệu đăng đàn cung, lưu thủy, hành vân, tứ đại cảnh. Linh mục cũng chơi thạo các nhạc cụ tây phương như đàn violon, dương cầm, harmonium. Một số bài hát mang tính tôn giáo như bài "*Magnificat*" ca tụng Đức Mẹ được cha dịch và phổ nhạc, các bài "*Trời cao đất thấp gặp nhau*", "*Bao giờ tôi được lên trời*", "*Mười lăm cái mến*", bài hát "*Lạy Đức Mẹ La Vang*" được nhiều người biết đến. Có những bài hát của linh mục Nguyễn Văn Thích mang tính giáo dục cao như bài "*Cái nhà là nhà của ta*" đã được đài BBC giới thiệu đến trong chuyên mục "*Lịch sử âm nhạc Việt nam qua các thời đại*" năm 1982.

2.- Nỗ lực truyền giáo trong nhiều lãnh vực :

21.-<u>Tổ chức Hướng Đạo Việt Nam</u>

Linh mục Nguyễn Văn Thích từng làm Tổng Tuyên úy cho Hướng Đạo Sinh Toàn Quốc với biệt danh trong ngành này là *Bồ Câu Dũng Cảm* cho nên tư chất và tính tình của ngài rất thích thoáng với những chốn danh lam thắng cảnh, những địa danh đầy dấu ấn lịch sử. Ngài từng làm Tổng Tuyên Uý Hướng Đạo Công Giáo Việt Nam trong nhiều năm. Phong trào Hướng đạo Việt Nam được tổ chức tại Bắc Kỳ năm 1930 và sau đó phát triển ở miền Trung khoảng năm 1937. Năm 1941, linh mục Nguyễn Văn Thích sinh hoạt với một Tráng đoàn tại Huế. Năm 1956, trại trường Tùng Nguyên mở khoá huấn luyên, Cha Thích cho gọi tên trại là Tùng Nguyên nhằm đạo tạo người huynh trưởng có tâm hồn cao khiết như cây tùng, cây bách. Nhân đây linh mục sáng tác bài bát *Nguồn Thật* tại trại hướng đạo Tùng Nguyên. Bài *Hướng Đạo Ca* với những lời sau đây do cha Thích sáng tác:

Hướng đạo nào phải không lo chi đời
Đời ta có mục đích
Là ta lo việc ích
Noi nghĩa ở Nhơn

Mà chẳng trông ơn
Đời ta có mục đích
Hướng đạo nào phải không lo chi đời.

Đời sống hướng đạo gần gũi với thiên nhiên, với ngoại cảnh nên thường nâng tâm hồn con người lên. Cha cũng từng tham dự các trại hè tổ chức tại Bạch Mã, Huế cũng tại đó Cha sáng tác bài thơ "*Bạch Mã ngâm*" nổi tiếng.

Sau đây xin theo dõi một số bài thơ của linh mục Sảng Đình Nguyễn Văn Thích viết về nước non xứ Huế.

22.- Qua thi ca: Viết về sông Hương, linh mục Nguyễn Văn Thích đã có bài *Tiếng hát thuyền chèo trên sông Hương* như sau:

Khói tan, mòi lặng bóng trăng trong
Tịch mịch đêm thu ngọn nước ròng.
Thấp thoáng thuyền ai chèo trước gió,
Dặt dìu tiếng hát dội ngang sông.
Tần hoài một khúc sương mờ mịt.
Thương hải năm canh nguyệt não nồng.
Cảnh ấy tình nầy thêm vấn vít,
Mối sầu vạn cổ gỡ sao xong?

Phú Xuân chủng viện 1922.

Sông Hương đối với mỗi một nhà thơ đều có những nguồn cảm hứng khác nhau. Một Thúc Tề của xứ Huế với những câu như : "*Một đêm mờ lạnh ánh gương phai, Suốt dải sông Hương nước thở dài...*" cảm thông với niềm tâm sự non nước thì linh mục Nguyễn Văn Thích lại nhìn thấy tất cả vẻ nguyên trinh của bóng trăng dọi xuống trên sông Hương khi khói đã tan, mòi đã lặng chỉ còn tiếng ngọn nước rút xuống giữa vẻ tịch mịch của đêm khuya. Nhà thơ đã nhìn thấy một chiếc thuyền của ai thấp thoáng trước gió, thuyền của khách thừa lương tìm ngọn gió mát mùa thu hay thuyền của một nhà ẩn sĩ đang nặng lòng vì tâm sự non nước đêm khuya không ngủ được? Nhà thơ nghe có tiếng hát dặt dìu và tự hỏi tiếng hát nào đây? *Dạ bạc Tần hoài cận tửu gia (đêm trăng đậu thuyền ở bến Tần hoài gần quán rượu),* câu thơ cổ của Đỗ Mục đời Đường phải chăng vẫn còn là một nỗi ám ảnh đối với nhà thơ linh mục khi mà người thương nữ ở bến Tần hoài vẫn còn hát bài hát *Hậu Đình Hoa* không còn biết đến mối hận mất nước. Mượn cảnh xưa, tứ thơ xưa để nói cảnh tượng thời nay khi mà đất nước vẫn còn trong vòng ngoại thuộc. Cái mối sầu vạn cổ của linh mục Nguyễn Văn Thích phải chăng là mối hận nước non? *Thương hải năm canh nguyệt não nồng,* câu thơ nhắc đến tình huống *thương hải biến vi tang điền* (biển

xanh hóa thành ruộng dâu) nói về cuộc đổi thay của đất nước hay cũng của chính lòng người?

Với bài thơ *Đêm trăng đi thuyền trên sông Hương,* Linh mục Nguyễn Văn Thích đã có những câu tuyệt đẹp như sau:

Nguồn Hương quanh quẩn mãi lần theo,
Đủng đỉnh thuyền con nhẹ mái chèo.
Gành đá ngàn tầm trăng vặc vặc,
Rừng thông mấy dặm gió reo reo.
Một vùng lăng tẩm còn trơ đó,
Muôn thuở anh hùng hãy vắng teo.
Đêm lạnh hải hồ khoan một tiếng
Non xanh xanh ngắt, nước trong veo.

Bối cảnh nằm trong bài thơ này của nhà thơ Sảng Đình là cảnh thượng nguồn sông Hương, nơi mà những ghềnh đá, rừng thông, lăng tẩm là những dấu ấn của tĩnh vật tạo nên không khí tĩnh lặng của dòng sông. Trăng ở đây sáng, rất sáng lung linh như thủy tinh và gió reo qua đồi thông vi vu bất tận. Nhà thơ đủng đỉnh một chiếc thuyền con tìm về nơi thanh vắng, nương nhẹ mái chèo như sợ làm tan vỡ bóng trăng. *Gành đá* là hình ảnh tĩnh, *rừng thông* lại là hình ảnh động, tĩnh và động giao lưu với nhau như gió vờn trăng. Chung quanh núi đồi vùng thượng nguồn sông Hương là nơi yên nghỉ của các bậc hoàng đế triều Nguyễn như Gia Long, Minh Mệnh, Thiệu Trị... trong một số lăng tẩm đã trở nên chốn danh lam thắng cảnh. Linh mục Nguyễn Văn Thích đã dùng hình ảnh quá khứ để đặt câu hỏi với hiện tại:

Một vùng lăng tẩm còn trơ đó
Muôn thuở anh hùng hãy vắng teo.

Với nhà thơ, lăng tẩm tuy tượng trưng cho quá khứ nhưng cũng là tượng trưng cho khí phách của non sông từng vào sinh ra tử, thống nhất sơn hà, mở rộng đế chế. Nhà thơ kín đáo đặt câu hỏi về vấn đề anh hùng của đất nước, xưa có mà sao nay lại "vắng teo"? Hỏi mà không có ai trả lời, núi vẫn xanh như lạnh lùng không lên tiếng và nước trong veo vẫn cứ trầm mặc trôi đi.

Nếu hai bài thơ viết về sông Hương ở trên của linh mục Nguyễn Văn Thích mang nỗi niềm tâm sự nước non, thì bài thơ *Thi vị sông Hương* sau đây lại là yếu tố nâng tâm hồn nhà thơ lên cao, hướng đến một cứu cánh tuyệt đỉnh khác.

Sông Hương có dòng nước lục,
Trong vẻo trong veo mà không bao giờ đục.

Đây, ta thả thuyền chơi,Ta lội, ta bơi,
Ta rửa sạch mọi niềm trần tục.

Sông Hương có bóng mát trăng thanh,
Yếng bạc bủa rải trên lườn sóng long lanh.
Soi tấm lòng ta vằng vặc,
Đối với tạo vật
Biết bao nhiêu là cảm tình.

Sông Hương có luồng gió mát,
Phưởng phất dịu dàng như tay ai khéo quạt,
Nó thổi sạch mây mù,
Thổi sạch u sầu,
Kìa tiếng thông reo, tiếng chài hát.

Trong bài giới thiệu *Sảng Đình Thi Tập*, giáo sư Võ Long Tê cho rằng "*bài thứ ba này là tiếng nói của đạo tâm. Bài này có lẽ sáng tác vào thời "thơ mới" thịnh hành ở nước ta. Về thi pháp, Sảng Đình cũng thử đổi mới bằng cách dựa vào từ khúc, với những câu thơ tùy nghi ngắn dài, có hiệp vận và tham bác ít nhiều lối đoản chương (verset) mà Paul Claudel (1868-1955) chủ trương để đổi mới thi ca Pháp. Về nội dung, Sảng Đình khai dụng các ảnh tượng trăng thanh gió mát như trong "Tiền xích bích phú" của thi hào Tô Đông Pha chẳng hạn:*

Duy giang thượng chi thanh phong,
Dữ sơn gian chi minh nguyệt.

Tác giả minh họa chủ trương "trí giả nhạo thủy", đồng thời trong cương vị linh mục, tác giả chứng tỏ đã tâm đắc với các biểu tượng mà nhà thơ Công giáo lừng danh Paul Claudel đã trình bày trong bài trường thiên "L'esprit et L'Eau" khi nói về tác động của Thiên Chúa bằng thần trí và nước thánh." (*Sảng Đình Thi Tập*, trang 33).

Từ "*dòng nước lục"* đến "*bóng mát trăng thanh*" qua "*luồng gió mát*" sông Hương đã cho tác giả phương tiện để rửa sạch mọi niềm trần tục, nâng tâm hồn tác giả lên cao tiếp cận với biết bao tạo vật và qua đó cảm thông được trong niềm tạ ơn vì công trình tạo lập của Chúa tể càn khôn. Chính luồng gió mát của sông Hương đã làm khuây nỗi u sầu của dân gian, thổi sạch mây mù tức là xua tan những ưu tư, lo lắng trong cuộc sống đời thường để ta nghe được tiếng thông reo, tiếng chài hát tức là những vọng âm từ đáy sâu tâm hồn của chính con người chúng ta. Dưới con mắt

nhà thơ, sông Hương đã có những biến đổi để trở nên các chất xúc tác dẫn đưa tâm hồn con người đến những bến bờ siêu thoát, vượt ra ngoài những hệ lụy thường tình.

Với hồ Tịnh Tâm ở Huế, linh mục Nguyễn Văn Thích có bài *Cảnh hồ Tịnh-tâm* như sau:

I

Vào khỏi cửa Xuân quang
Nầy hồ nước chứa chan.
Hai bên hai đảo nhỏ,
Nằm giữa một đê ngang.

II

Hồ xưa làn nước cũ,
Đầy nơi lá sen rũ,
Ở giữa chốn phồn hoa,
Chơi chốn nầy thật thú.

III

Tường kín chạy chung quanh,
Tre cao đắp lũy xanh,
Lâu đài đều ngược bóng,
Lòng nước thấy long lanh.

IV

Bước qua cầu Lục-liễu,
Mối tơ dường bắt bíu;
Dừng bước ngắm phong quang,
Một bầu trong veo vẻo.

V

Trông qua điện Bồng Dinh,
Đá trắng với rêu xanh,
Ngoài hiên dòng nước đứng,
Dâu bể biết bao tình?

VI

Dưới bóng cây mát mẻ,
Ngồi đây ta nghỉ khỏe,
Lặng lẽ bức hồ gương,
Lòng ta cùng lặng lẽ.

VII

Lợi dục đứng ngoài vòng,
Xôn xao không vẫn không.
Muôn loài đều tự đắc
Lặng thấy máy Thiên công.

VIII

Kìa bóng chiều đã ngã,
Mặt hồ làn khói tỏa.
Lòng khách cũng vơi vơi,
Ra về tình khôn tả.

Nói đến hồ Tịnh Tâm ở Huế là phải nhắc đến hoa sen, mà hoa sen là tượng trưng cho người quân tử (*Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn*). Hồ Tịnh Tâm như tên gọi của nó là chốn làm cho tâm hồn trở nên yên tĩnh, trở lại vẻ thuần phác, uyên nguyên của nó (*nhân chi sơ tính bản thiện)* cho nên đây cũng là nơi vua Thành Thái có thời sống để "tịnh tâm"... Những hình ảnh chung của hồ như gương nước, bàu sen, cầu Lục-liễu, điện Bồng-Dinh, hàng cây phủ bóng đã cho linh mục Sảng Đình các chất liệu để tạo nên chốn này một phong thái u nhàn tĩnh mịch, cách biệt với chốn phồn hoa xe ngựa ở bên ngoài. Ngoài ra linh mục Nguyễn Văn Thích cũng sáng tác một bài hát về hồ Tịnh Tâm với những câu như: "*Đến mùa sen nở Tâm (Tịnh) Tâm... A Tâm (Tịnh) Tâm, Thì ta cùng nhau đến đó (oi ai...) Mà xem mà xem cảnh này. Ù xang ù xang ù liu cọng xứ xang. Mà xem mà xem cảnh này..."*

Với núi Bạch Mã vốn là nơi nghỉ mát trước đây của người Pháp và cũng là địa điểm cắm trại của các đoàn hướng đạo Việt Nam, linh mục Sảng-Đình cũng có những bài thơ cảm hứng qua những lần đóng trại ở đây cùng với những người được coi như tiên khởi của ngành hướng đạo Việt Nam như Trần Điền, Tạ Quang Bửu, Hoàng Đạo Thúy v.v... Có lần linh mục Nguyễn Văn Thích trèo núi Bạch Mã với Tạ Quang Bửu, khi đến đỉnh núi linh mục chỉ vào ông Bửu và nhắc lại câu trong sách *Trung dung*: "*Chí bửu tại cao thâm".* (nghĩa là vật rất quý thì ở tại chỗ cao nhất và chỗ sâu nhất).

Bài thơ *Thác lớn Bạch-mã* như sau nói lên nội tâm của tác giả trước cảnh bao la của tạo vật và sự hiện hữu của bàn tay hóa công qua tiếng suối reo, sắc núi xanh tác động vào tâm tư của mình:

I

Nước có tiếng rong ranh
Non có màu xanh xanh,
Có màu có tiếng mà tình vẫn không.
Riêng ai một mối tình chung,
Nhìn làn mây nổi nghe dòng suối reo.

II

Tiếng nước trong mà sắc núi xinh
Sắc non tiếng nước thảy vô tình
Tình chung duy có riêng ta được
Ngồi ngắm khe đàn, ngắm khói xanh.

III

Sắc non tiếng nước vẫn trong veo
Mà chữ chung tình thảy vắng teo
Chỉ có riêng ai tình một mối
Ngồi trông mây nổi ngắm khe reo.

Trong một bài thơ khác cũng viết về núi Bạch mã có tên *Bạch mã ngâm,* linh mục Sảng Đình có những câu:

Núi cứ cao trời lại rộng thêm
Đường non mây phủ cảnh êm đềm.
Bước lên, bước lên, bước lên mãi,
Chân cứng thì sao đá cũng mềm.

Bước chân này không chỉ là động tác của thể lý mà chính là sự vươn lên của tâm hồn bởi vì người nhân theo quan niệm sống của Đông phương thường vui với núi (*nhân giả nhạo sơn*) vì núi cao nâng cả thể xác lẫn tâm hồn con người lên đạt tới khoảng trời xanh, xa cách mùi tục lụy cõi trần. Bởi vậy các cảnh chùa, tu viện thường xây cất trên núi cao, ở vào chỗ khuất tịch thường giúp cho con người sống tốt lành, thánh thiện hơn.

Ba trăm thước nước chảy ào ào
Xối xuống như cây lụa trắng phao
Đứng trước oai linh cảnh Tạo-vật,
Than ôi! người cũng cứ làm cao.

Cái điểm yếu của con người là sự kiêu ngạo vì ý thức muốn khống chế tha nhân và tạo vật. Con người thách thức vũ trụ và tiện thể thách thức cả Thượng Đế. Bởi vậy cần phải có những va chạm giữa con người với sức mạnh thiên nhiên, với cái hùng vĩ bao la của vũ trụ để con người có dịp nhìn lại thân phận bé bỏng của mình mà biết suy phục quyền năng của Tạo hóa.

Ta ưa cảnh thú chốn rừng sâu
Đây tiếng thiêng liêng, tiếng nhiệm mầu
Lắng lặng mà nghe lòng mới hiểu:
Ở đây vui vẻ có sầu đâu.

23.- Trong môi trường giáo dục.

Có lẽ tiếng thiêng liêng, tiếng nhiệm mầu mà linh mục Sảng Đình Nguyễn Văn Thích muốn nói ở đây là tiếng nói của im lặng (la voix du silence) vì nhiều khi chính im lặng là nói rất nhiều. Quả thật, tiếng nhiệm mầu, tiếng thiêng liêng không thể nghe bằng tai mà phải cảm nghiệm bằng cái tâm đã được chuẩn bị, được sửa soạn từ trước. Người nghe bằng cái tâm chính là người đã vượt được rào cản của không gian và có thể thấu đạt được điểm tới của tri thức bằng khả năng "ngộ" của mình.

Một bài viết cách đây mấy năm, gọi linh mục Sảng Đình Nguyễn Văn Thích là "hiền nhân của thời đại" Có lẽ danh xưng này cũng không có gì quá đáng đối với cuộc đời đạo đức, thánh thiện của nhà chân tu này. Nước non xứ Huế theo cách nhìn của linh mục đã có những sắc thái thanh cao hơn, trong sáng hơn dẫn dắc con người đạt đến các cùng đích chân, thiện, mỹ mà chỉ có những ai nghiền ngẫm, suy niệm về các tác phẩm thi ca của linh mục mới thấy được các ý niệm sâu thẳm bên trong các dòng chữ chơn chất của một nhân vật đa tài và rất mực đạo đức này.

Cha Nguyễn Văn Thích xuất thân là trợ giáo Pháp-Việt trường tỉnh Khánh Hoá từ năm mới 20 tuổi, hơn 60 năm làm nghề dạy học từ tiểu học lên trung học tới đại học. Từ niên khoá 1941-42, Cha dạy nhiều trường đạo và đời, được chính quyền mời Cha khai hoá môn Hán văn ban Cổ điển tại trường Trung học Khải Định (Quốc Học) Huế. Cha cũng được mời tham gia Hội đồng soạn thảo Giáo dục mới tức "Chương trình Hoàng Xuân Hãn" sau ngày Nhật Bản đảo chính Pháp 9-3-1945. Khi

chế độ Đệ I Cộng Hoà được thành lập, Cha Thích được mời dạy môn Hán văn và Triết Đông tại Viện Đại Học Huế và Viện Hán Học Huế (1959-1965). Ngài thành lập Vườn Trẻ Hương Linh nhằm đào tạo các giáo chức trẻ theo một hướng đi mới. Ngoài ra Cha cũng được mời dạy tại các Tiểu chủng viện và Đại chủng viện môn Hán văn để giúp cho các chủng sinh hiểu rõ thêm về nền văn hoá dân tộc.

Nhận xét về LM Nguyễn Văn Thích, Cha Denis tức cố Thuận sau nầy là Tổ phụ lập dòng Xi-tô Việt Nam, trong một lá thư gửi về cho mẹ ở Pháp đã viết: "*Kính thăm mẹ yêu quý, học trò con đã tề tựu rồi. Năm nay có một chủng sinh xuất sắc. Thường học sinh mới vào thì nhỏ tuổi, nhưng người nầy đã 28 tuổi rồi. Đó là một vị giáo sư Pháp văn, trường trung học nhà nước, đã xin từ chức để nhập học chủng viện. Luật chung không nhận những học trò như thế vì vừa lớn tuổi vừa mới theo đạo được 6 năm nay. Nhưng Đức Giám Mục đã đặc cách…"* Trích truyện cha Benoit R.P. Denis, tức Cố Thuận, Tổ phụ Dòng Xi-tô Việt Nam, tr. 85-86). [Nguyễn Lý Tưởng, *Một hiền nhân của thời đại: Sảng Đình Nguyễn Hy Thích,* Tam nguyện san Định Hướng, số 6, Mùa đông 1994, tr. 52]

Ở một đoạn khác, Cố Thuận viết: "*chú đã khó nhọc vì đạo, dùng chữ viết, lời nói mà bênh vực đạo. Đang đóng vai một vị giáo sư trường công, lương bổng hậu mà chú từ bỏ hết! Các chi tiết ấy làm cho chủng viện ôm mối hy vọng rất lớn: Địa phận sẽ được một vị linh mục thánh".* (Đoàn Khoách, *Sảng Đình Thi Tập của J.M.Thích,* Thanh Tịnh x.b. California, USA. 2001, trang 17). Đức Giám Mục nói đây là Eugene Allys (Đức Cha Lý) làm Giám Mục Giáo Phận Huế.

Cũng trong tư liệu vừa trích, người ta đọc thấy lời chứng của Linh mục Stanilas Nguyễn Văn Ngọc nói về đời sống chí đạo, gương mẫu khiêm hạ, bác ái và khó nghèo của LM Nguyễn Văn Thích: "*Cha Thích khiêm tốn, khó khăn, (lúc chết không còn một xu), áo quần cho hết, có lần mặc quần đùi và áo dòng thôi".* [Thư của Linh mục Stanilas Nguyễn Văn Ngọc viết tại Huế ngày 7-6-1990]

Linh mục Nguyễn Văn Thích là một bậc chân tu, điều đó được nhiều người công nhận, nhất là các giáo sư Viện Đại Học Huế dạy chung tại đó như GS Nguyễn Văn Trường, GS Lê Tuyên… luôn luôn tỏ lòng kính trọng ngài.

3.- Linh mục Nguyễn Văn Thích, người thấy rõ chân tướng Cộng Sản Việt Nam tiên khởi.

Năm 1927, khi còn ở Quy Nhơn, linh mục Nguyễn Văn Thích viết cuốn sách nhỏ có tên *Vấn Đề Cộng Sản (The Question of Communism)* đã có những ví von cụ thể khi viết rằng:

"*Nếu như anh muốn biết hậu quả của chủ nghĩa Cộng Sản, đơn giản là hãy nhìn vào Trung Hoa. Từ hơn mười lăm năm qua, chủ nghĩa Cộng Sản có trách nhiệm trong việc lật đổ nền quân chủ, thành lập dân chủ, khích động nội chiến và đẩy người dân xuống vũng bùn sâu hơn. Lương Khải Siêu và Khang Hữu Vi là Engels và Marx của Trung Hoa. Tôn Dật Tiên là Lê Nin, với quan điểm của ông ta về cuộc sống của người dân là cũng một loại hạng như chế độ vô sản của Xô Viết."*

(David G. Marr, *Vietnamese Tradition on Trial 1920-1945,* University of California Press, 1981, trang 85).

Cũng linh mục Nguyễn Văn Thích, trong tập sách nhỏ xuất bản năm 1930 có tên *Vấn đề Luân lý Ngày nay*, được sử gia David Marr nhắc lại trong cuốn sách nổi tiếng của ông như sau: *"Vị linh mục nổi tiếng người Việt Nam đã nhắc lại những hiện tượng nghiêm trọng sau đây: giới thanh niên không chịu nghe lời dạy của các vị thầy, vợ không làm tròn bổn phận với chồng, đầy tớ không nghe lời chủ, thợ thuyền đình công bất cứ lúc nào họ muốn, tệ nạn giết chóc nhau tràn lan, tự do luyến ái, các cuộc cách mạng lật đổ và chủ nghĩa Cộng Sản. Sự phát triển của chủ nghĩa duy vật phải được chận đứng bởi lý tưởng Công Giáo và "tự do tư tưởng" đã bị đánh lại bởi sự chấp nhận uy quyền của Đức Giáo Hoàng trên mọi vấn đề tinh thần."* (David G. Marr, Sđd, trang 84).

Những sử gia Cộng Sản như Trần Văn Giàu, David G. Marr với ngòi bút công bình hơn đã đánh giá những nhận xét tinh tế của Linh Mục Nguyễn Văn Thích khi đề cập đến các tác phẩm của vị giáo sĩ chân tu này.

Những điều mà Linh mục Nguyễn Văn Thích nêu trong các cuốn sách nhỏ về Cộng Sản thật ra cũng không có gì sai sự thật vì đó là những kinh nghiệm ở Liên Xô trong cách họ đối xử với Chính Thống giáo như giết các tu sĩ, khai thác các bản năng thấp hèn của con người như tham lam, độc ác, sử dụng các phương tiện bạo lực, man rợ để đạt tới mục tiêu mau chóng (David G. Marr, Sách đã dẫn cũng trang 85).

Năm 1959, tôi với một số thân hữu như GS Nguyễn Lý Tưởng, GS Lê Ngọc Bích, GS Trần Vinh Anh… đã từng học môn Hán văn với Linh Mục NGUYỄN VĂN THÍCH, các cụ Cử nhân HÀ NGẠI, Phó bảng NGUYỄN DUY BỘT, Thầy TS NGUYỄN VĂN DƯƠNG, cụ HỒ ĐẮC ĐỊNH… tại Viện Hán Học Huế. Năm 1962, khi đổi sang học ĐHSP ngành Sử Địa tại Trường Văn Khoa Huế, tình cờ một hôm, ngồi trong lớp, tôi dùng bút khắc mấy chữ "*Căm thù Cộng Sản*" lên bàn học. Cha Thích đi ngang thấy nên dừng lại, ngài nói: "*Không nên nói căm thù ai cả, mà phải tha thứ. Anh không thể căm thù Cộng Sản hơn họ căm thù anh. Anh không thể*

tàn bạo hơn Cộng Sản vì họ vốn tàn bạo hơn anh. Cho nên anh phải tha thứ, như lời Chúa dạy." Tôi nhớ mãi những lời nói đó của Cha Thích cho tới hôm nay.

4.- Thiên đường hữu lộ…

Trong khoảng thời gian còn là một chủng sinh Trường Lớn (Đại chủng viện), ngày 28-4 đến 18-5-1924, thầy Thích đã được vinh dự tham gia "Hội đồng Kinh nguyện" (Commission des Prières) tổ chức tại Huế, dưới sự chủ trì của Linh mục Paul-Marie Chabanon, Giám đốc Đại chủng viện Phú Xuân, Huế gồm một số linh mục thức giả của toàn hạt Đông Dương quy tụ về nơi đây để thảo luận, duyệt xét các kinh bổn, giáo lý dùng cho tất cả các giáo phận. Vì là người có kiến thức uyên thâm nên Thầy Nguyễn Văn Thích được mời về tham dự. Sau này Cha Thích kể lại rằng các từ "Thánh Giá" (Crux), "Phúc Âm" (Evangelium), "Thánh Thần" (Spiritus Sanctus) là do cha đề xuất và được toàn thể hội đồng thông qua. Trong bài diễn văn bế mạc hội đồng, bấy giờ thầy Nguyễn Văn Thích đã hóm hỉnh kết thúc bằng câu nói: "Xin các Cha bỏ Câu-Rút lại đây và hãy vác Thánh giá mà về"… (Theo Phạm Đình Khiêm và Võ Long Tê trong "Phi Năng thi tập" bản viết tay của tác giả,1939, chưa xuất bản), [Lê Ngọc Bích, *Sách đã dẫn*, trang 15].

Ngoài ra chính Cha Nguyễn Văn Thích cũng là người đổi tên trường Pellerin ra thành **Bình Linh**, trường Providence ở Huế ra tên **Thiên Hựu** (có nghĩa là *sự rộng rãi khoan thứ, sự giúp đỡ của Trời, của Thiên Chúa)* , tên cơ sở dòng Biển Đức ở vùng đồi núi làng Cư Chánh ở Huế ra tên **Thiên An** *(sự an lành của Trời, của Thiên Chúa).* Tinh thần thâm thuý của một bậc túc nho trong con người trước kia vốn theo Phật Giáo, và là đệ tử của Cửa Khổng Sân Trình, nay đã lại trở thành người con của Chúa trong Linh mục Giuse Maria Nguyễn Văn Thích. Ngài đã từng làm Chủ Tịch Uỷ Ban Văn Hoá Tỉnh Thừa Thiên năm 1957, từng tham gia Đại Hội Văn Hoá Toàn Quốc tổ chức tại Sài Gòn từ ngày 7 đến 17 tháng Giêng, 1957 do ông Ngô Đình Nhu, em ruột Cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm tổ chức, cùng với một phái đoàn trí thức hùng hậu của đất Thần Kinh có GS Võ Long Tê làm Phó đoàn.

Về ngày mất của Cha có nhiều tư liệu ghi:
-Ngày 9-12-1978 Cha hấp hối,
-Ngày 10-12-1978 Cha mất,
-Ngày 12-12-1978 lễ đưa đám Cha.
Giáo phận ghi ngày 9-12-1979
Gia đình xác quyết ngày 10-12-1978

Ngày mất và tuổi thọ của một con người thường được gia đình truyền đạt một cách chuẩn xác. (Trương Bá Cần, "Nguyễn Trường Tộ: con người và di thảo", Nhà xb. Tp.HCM 1988, tr. 19)

Cha Nguyễn Văn Thích thọ 87 tuổi, 52 năm linh mục. Thi hài an táng tại nghĩa trang linh mục ở Phủ Cam. Vào những năm 1984-85, chính quyền Huế ra lệnh giải toả vùng Cồn Mồ Phủ Cam và Ngự Bình, mộ cha Thích và một số linh mục khác được di dời lên núi Thiên Thai. Cuối năm 1998, một lần nữa cha lại được cải táng lên nằm gần Đức Cha Allys trong nghĩa trang linh mục Huế cũng ở núi Thiên Thai, phần mộ được xây xi măng cao ráo, đẹp mắt. (Lê Ngọc Bích, Sđd, trang 27). RIP

II.- ĐẾN BẮC MỸ, TRUYỀN GIÁO VỚI TRƯỜNG HỢP THÁNH NỮ KATERI TEKAKWITHA VÀ ƠN GỌI RAO GIẢNG TIN MỪNG…

Nếu Linh mục Nguyễn Văn Thích được Thiên Chúa dẫn đến với Ngài qua môi trường giáo dục, trí thức thì nữ thánh Kateri Tekakwitha lại được Thiên Chúa cho biết đến Ngài qua bệnh hoạn, và quyết tâm nên thánh.

1.- Kateri Tekakwitha, người được Chúa Thánh Thần dẫn dắt.

Trên đây là tiêu đề của một tư liệu viết về nữ thánh Kateri Tekakwitha do Hội Đồng Giám Mục Hoa Kỳ viết trong cuốn sách *United States Catholic Catechism for Adults,* bản in lần thứ năm, tháng Năm 2008, trang 101, và chúng tôi sử dụng như một tư liệu căn bản về tiểu sử của vị thánh này.

Kateri Tekakwitha sinh năm 1656 tại Ossernenon, một làng Mohawk trong vùng mà bây giờ là Auriesville, New York.Cô là con gái của một tù trưởng thuộc bộ lạc Mohawk và một phụ nữ Tin Lành thuộc bộ lạc Algonquin đã tới sống giữa những người Mohawks sau khi bị bắt tại Trois Rivieres, Quebec. Kateri lên bốn tuổi khi cha mẹ và em trai cô bị chết vì bệnh đậu mùa. Kateri cũng mắc phải chứng bệnh này đã làm cho khuôn mặt cô trở nên biến dạng. Hai người dì và một người chú đã nhận nuôi cô. Cả nhà dời đến Caughnawaga, bây giờ là Fonda, New York. Cô tỏ ra là một người đàn bà trẻ trung chăm chỉ nhưng không thích thú trong việc lập gia đình.

Khi cô ở vào tuổi vị thành niên, các vị thừa sai Dòng Tên đã tìm đến làng cô. Cô đã tiếp xúc với đạo Công Giáo nhưng kinh nghiệm được sự chống đối của gia đình và bộ tộc. Cha James de Lamberville bắt đầu gặp gỡ cô thường xuyên, dạy dỗ cô về đức tin và cách cầu nguyện và mở lòng cô ra với Thiên Chúa. Khi vào tuổi hai

mươi, cô đã được chịu phép thánh tẩy vào ngày Chúa Nhật Phục Sinh và được mang tên thánh Catherine, hoặc Kateri trong ngôn ngữ Mohawk.

Từ khi người làng tỏ ra thù ghét đối với đức tin mới của cô, Kateri đã quyết định rời bỏ nhà và đi đến một vùng thuộc địa Tin Lành của người Thổ dân gần Montreal… Ở đó cô sống những năm còn lại trong cuộc đời của mình. Cô hứa giữ mình đồng trinh. Cô tận hiến đời mình cho việc cầu nguyện, ăn năn tội và lo cho người cao tuổi và bệnh hoạn.. Mỗi buổi sáng đúng 4 giờ, cô đi đến nhà nguyện trong vùng để tham dự Thánh lễ và chiêm nghiệm trước Thánh Thể. Cô tận hiến cho Phép Thánh Thể và mầu nhiệm Thánh Giá.

Cô mất vào ngày 7 tháng Tư, 1680. Những người chứng kiến đã nói lại những câu cuối cùng cô nói: "Lạy Chúa GIÊSU, con yêu Chúa." Họ cũng chứng nhận rằng các vết sẹo do bệnh đậu mùa trên khuôn mặt cô đã biến mất. Khi chết cô trở nên rực sáng và xinh đẹp.

Thánh Kateri Tekakwitha là vị Thánh Bắc Mỹ đầu tiên người Thổ dân đã được phong thánh. Lễ mừng cô là ngày 14 tháng Bảy. Cùng với Thánh Phanxicô Assisi, cô là thánh bổn mạng của môi trường và sinh thái. Cô được hay tuyên xưng là ***"Hoa huệ của người Mohawk".***

Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã có buổi nói chuyện với sáu trăm người thổ dân Hoa Kỳ vào dịp lễ phong thánh cho cô Kateri. Khi lưu ý mọi người rằng Thánh Kateri là một chứng nhân đức tin, Ngài nói:

Quý vị đã đến đây để vui mừng vì cuộc lễ phong thánh cho Kateri Tekakwitha. Đây là thời gian dừng lại để cám ơn Thiên Chúa về nền văn hoá độc nhất và truyền thống phong phú nhân bản mà quý vị đã được kế thừa và về tặng phẩm lớn lao nhất mà bất cứ ai cũng có thể nhận được, quà tặng đức tin. (L'Osservatore Romano .- June, 22, 1980: 13*)*

Chúa Thánh Thần hoạt động trong lòng những ai đã được rửa tội, nhưng sức mạnh của các tặng phẩm của ngài đã trở thành hiển nhiên trong đời sống của các người chứng diệu kỳ đối với đức tin như Thánh Kateri." (Hội Đồng Giám Mục Hoa Kỳ, *Sách Giáo Lý Của Người Công Giáo Hoa Kỳ cho Người Lớn,* ấn bản lần V, tháng Năm, 2008, trang 101).

Những lời này cũng được chứng minh rõ ràng qua cuộc sống của Linh mục Sảng Đình Nguyễn Văn Thích mà chúng ta có dịp đọc ở trên, qua "ba năm cầu nguyện" trước khi chịu phép Thánh Tẩy và suốt cuộc đời ngài sau đó… Thánh nữ Kateri cũng đã tận hiến cuộc đời mình cho sự cầu nguyện. Trong cuốn sách nổi tiếng *Vượt qua ngưỡng cửa của Hy vọng,* Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô từng dẫn câu nói của Thánh Phaolô nói về sự cầu nguyện: "*Thánh Thần nâng đỡ sự yếu hèn của*

chúng ta, vì chúng ta không biết cầu nguyện thế nào cho phải; nhưng chính Thánh Thần cầu thay nguyện giúp cho chúng ta, bằng những tiếng rên siết khôn tả" (Rm 8:26). (Bản dịch của KS Trần Văn Trí, Ánh Sáng xb. 1995, trang 29).

Một tư liệu khác được chuyển tải trên trang mạng *Life Story (Women & The American Story)* góp thêm nhiều mẩu chuyện trong tiểu sử của Thánh Kateri, như sau:

"Kateri Tekakwitha sinh năm 1656 tại một làng Mohawk thuộc vùng Ossernenon, cách vài dặm ở phía tây vùng Auriesville, New York. Tên Mohawk của bà là Tekakwitha có nghĩa là "cô là người đụng đầu vào nhiều chuyện". Kateri là con gái của tù trưởng Mohawk tên là Kenneronkwa. Mẹ cô, Tagaskouita là một phụ nữ Algonquin theo Tin Lành vốn là người đã được chấp nhận và đồng hoá theo bộ tộc Mohawk trước khi bà làm đám cưới. Đây là một việc làm thông thường giữa bộ tộc Mohawk trong những thập niên giữa và sau 1600s, khi họ cố gắng vượt qua những tổn thất về dân số do các chứng bệnh từ người châu Âu và các cuộc chiến tranh lông thú gây ra. Vì vậy, cộng đồng của Kateri lớn lên và có nhiều nét đặc thù, với các sắc dân mới và nhiều niềm tin du nhập vào qua thời gian.

Khi Kateri được khoảng bốn tuổi, cha mẹ cô và em trai đã bị chết trong một trận bệnh đậu mùa bột phát. Kateri thoát khỏi cơn bệnh nhưng cô bị để lại nhiều vết sẹo trên mặt, mắt bị hư nặng và sức khoẻ tàn tạ. Kateri được một bà dì nhận nuôi và cuộc sống trẻ thơ của cô là điển hình cho một mẫu người phụ nữ Mohawk. Cô đã học cách làm sao để chế biến từ bộ lông thú làm đồ mặc; dệt thảm, đan rổ, làm các chiếc hộp từ vỏ cây, và trồng tỉa, chăn nuôi, gặt hái và nấu nướng các thức ăn để cấp dưỡng cho cộng đồng của mình.

Khi Kateri khoảng mười tuổi, làng của cô bị quân Pháp đánh. Kateri và gia đình bị buộc phải trốn vào rừng. Để chấm dứt cuộc chiến, người Mohawk đồng ý cho các thừa sai Dòng Tên người Pháp vào trong đất của họ. Các vị thừa sai này hy vọng kéo được người Mohawk trở lại đạo Công Giáo. Nhiều người Mohawk tỏ ra căm ghét các thừa sai này vì họ muốn người Mohawk từ bỏ các truyền thống dân tộc của mình và khuyến khích những người trở lại này di chuyển đến ở tại các làng Công Giáo. Một người anh họ lớn tuổi của Kateri đã trở lại đạo và đã chuyển nơi cư trú mấy năm trước đó nhưng người chú của cô cấm cô không được nói cho các vị thừa sai nghe khi họ đến thăm làng.

Tuy nhiên chú của cô cũng không thể giữ cô khỏi tiếp chuyện các vị thừa sai lâu được. Năm 1669, người Mohawk bị người Mahican là một bộ lạc kế cận tấn công vì những người này muốn kiểm soát việc buôn bán lông thú. Kateri và những người đàn bà trẻ Mohawk khác làm việc bên cạnh các thừa sai Dòng Tên để chăm sóc cho người bệnh và người bị thương. Sự dấn thân lâu dài của cô đối với việc phục vụ và sự dạy dỗ của các thừa sai đã tạo nên một ấn tượng mạnh trên Kateri. Vào tuổi 13, cô nói với bà dì rằng cô không bao giờ muốn kết hôn, đó là một lời tuyên bố rất không bình thường đối với một phụ nữ Mohawk còn trẻ, nhưng con đường bình thường của người thiếu nữ Công Giáo đó là muốn trở thành một vị nữ tu.

Vào mùa xuân 1674, Kateri nói với một vị linh mục vừa đến thăm là cô muốn học hỏi thêm về tôn giáo của người đó. Vị linh mục rất vui mừng và bắt đầu dạy cô ta rất bài bản về các kinh nguyện và giáo lý đức tin. Kateri đã được rửa tội vào năm 1676, lúc đó cô lấy tên là Kateri để kính mừng Bà Thánh Catherine. Sau khi chịu đựng trong sáu tháng những lời chế nhạo và tố cáo của vị pháp sư từ những láng giềng trong làng mình, cô Kateri theo lời hướng dẫn tinh thần của vị linh hướng của mình và dời về cơ sở của Dòng Tên đặt tại Kahnawake.

Kahnawake nằm tại địa điểm và là một cộng đồng tinh thần ở bên ngoài Montreal có một vị trí an toàn cho người thổ dân đàn ông cũng như đàn bà vốn là những người đã trở lại Công Giáo. Đời sống hằng ngày của họ tại cơ sở này là một trộn lẫn sắc thái giữa người thổ dân và người Âu châu. Khi cô Kateri đến, cô được chào đón nồng nhiệt bởi một cộng đoàn phụ nữ người Mohawk đã trở lại đạo Công Giáo như cô. Một người bạn tốt nhất của mẹ cô đã trở nên người cố vấn của cô trong cộng đoàn, và một người chị họ của cô đã để cho cô cư ngụ trong căn nhà dài của chị ta. Nhưng sự phát triển mang tầm mức ý nghĩa nhất đối với cô Kateri đó là cuộc gặp gỡ với cô Maria-Thérèse và Claude Chauchetière.

Maria-Thérèse là một người Thổ dân trẻ cũng khoảng tuổi như Kateri và cả hai mau chóng đã trở thành bạn thân của nhau. Họ tỏ bày đức tin mới với nhau và thúc đẩy nhau trong niềm dấn thân cực độ. Claude Chauchetière là một linh mục Dòng Tên cũng vừa mới từ Pháp sang. Ngài rất hăng say trong nhiệm vụ truyền giáo cho người Thổ dân và đã bị ấn tượng mạnh do sự dấn thân trong đức tin của Kateri. Cha đã trở thành cha linh hướng thân thiết nhất của Kateri. Kateri, Claude, và Maria-Thérèse đã đẩy cộng đoàn của họ đến những đỉnh cao của tinh thần mới. Claude đã dạy hai thiếu nữ này trong mọi lãnh vực của đức tin, và Kateri cùng Maria-Thérèse lại hướng dẫn những người đồng nghiệp của mình trong sự chọn lựa

đầy nhiệt huyết mỗi một phương pháp thực hành mới. Họ đã kinh nghiệm với việc giữ chay theo nghi lễ (không ăn hoặc không uống), hãm mình (chủ tâm dẹp bỏ thân xác để đoạn tuyệt với tội lỗi) và sống khổ hạnh (bỏ mình cực độ), tất cả vì ý hướng đem mình tới gần với Thiên Chúa.

Kateri luôn luôn là một mẫu người kết hợp rất mật thiết với những cách hành đạo mới của mình và Cha Claude đã phải bước vào để chận đứng cô lại trước khi cô có những động thái gây ra những tác hại không hồi phục được. Khi các thiếu nữ này được học về các vị nữ tu, cô Kateri tuyên bố ý định của mình là sẽ thành lập một tu viện. Cha Claude ngạc nhiên về ý định của cô là sẽ hoàn toàn dứt bỏ đời sống cũ của cô, và cha đã giúp cô trở nên một mô thức cho một sứ vụ hoàn toàn quay trở lại mới ở vùng Nước Pháp Mới.

Các hình phạt đánh xác dữ dội mà Kateri giáng xuống trên thân xác của cô không làm cho sức khoẻ cô tàn tạ hơn, và chỉ trong vài năm thân xác đó lại trở về mức độ bình thường. Vào ngày 17 tháng Tám, 1680, Kateri từ trần có toàn thể cộng đồng Kahnawake đứng vây chung quanh cô. Mọi người chứng kiến cái chết của cô về sau đều thề khi cho biết rằng chỉ trong vài phút sau các vết sẹo vì bệnh đậu mùa của cô đã biến mất, và da thịt cô trở nên tươi sáng. Họ giải thích đó là một phép lạ và một dấu chỉ rằng Kateri là một vị thánh, và họ đã xây cất một ngôi nhà nguyện để vinh danh cô. Câu chuyện về Kateri được lan truyền nhờ một cuốn sách do Cha Claude viết và xuất bản về đời sống của cô, và khách hành hương bắt đầu đi tới cầu nguyện tại nơi chôn cất cô. Một vài người đã thuật lại những ơn chữa lành mầu nhiệm, và cộng đồng những người đi theo cô Kateri ngày càng đông lên theo thời gian. Cô đã được chính thức tuyên phong làm vị thánh Thổ dân Người Mỹ đầu tiên năm 2012.

Ngày nay di sản kế thừa của Kateri mang mầu sắc đa dạng. Người Công Giáo ca tụng cô như một ngọn đuốc của sức mạnh tôn giáo làm thay đổi cuộc sống, trong khi các thành viên của cộng đồng Mohawk lại thấy cô như là một nạn nhân của các thế lực thực dân. Không kể đến sự giải thích của câu chuyện về cô, đời sống cô đã chứng minh rằng phương thức sống đã thay đổi đối với người phụ nữ Thổ dân sau khi những người Âu châu thực dân đặt chân tới đây."

Sau đây chúng ta tìm hiểu chút ít về căn bệnh đậu mùa mà ngày nay nhờ sự tiến bộ của y khoa, bệnh đó đã bị diệt trừ tận gốc.

Bệnh đậu mùa là một bệnh truyền nhiễm gây ra bởi hai biến thể virus, Variola major và Variola minor. Đậu mùa có tiếng gọi Latinh là variola hay variola vera, trong đó từ varius có nguồn gốc nghĩa là "có nốt", hoặc varus, nghĩa là "mụn nhọt".

Trong tiếng Anh, danh từ smallpox được sử dụng đầu tiên vào thế kỷ 15 để phân biệt với biến dạng "great pox" (bệnh giang mai).

Đậu mùa gây bệnh trong các mạch máu nhỏ ở da, miệng và cổ họng. Ở vùng da, bệnh gây ra những vết ban nổi sần đỏ đặc trưng, sau đó da bị phồng rộp những vết sần chứa nước. Virus V major độc hại hơn, gây tử vong trong số 30-35% nạn nhân. V minor gây dạng bệnh nhẹ hơn giết khoảng 1% bệnh nhân. Biến chứng lâu dài của việc nhiễm V major là các sẹo rỗ đặc trưng trên da, thường là ở mặt, ở 65-85% số nạn nhân. Nạn nhân có thể bị mù vì giác mạc bị sẹo. Phái nam còn có thể bị hiếm muộn… Đậu mùa xuất hiện vào khoảng 10.000 năm trước Công nguyên. Chứng tích xưa nhất của bệnh đậu mùa là những vết mụn mủ trên xác ướp của Pharaon Ramses V thời Ai Cập cổ đại. Căn bệnh này đã giết chết khoảng 400.000 người dân châu Âu mỗi năm trong những năm cuối thế kỷ 18. Bệnh này cũng là nguyên nhân của 1/3 trường hợp bị mù. Khoảng 20-60% số những người nhiễm bệnh, trong đó có khoảng hơn 80% là trẻ em, bị tử vong. Hậu quả là 300-500 triệu người đã chết vì bệnh đậu mùa vào thế kỷ 20. Sau chiến dịch chủng đậu vắc-xin kéo đài từ thế kỷ 19 đến 20, WHO chứng nhận đã tiêu diệt được bệnh đậu mùa vào năm 1979. (Theo tư liệu của Wikipedia)

Tại Việt Nam, Đông Cung Thái Tử Cảnh (1780-1801), con trai và là dòng chính của vua Gia Long, một vị Thái Tử Công Giáo, rất đạo hạnh, được Đức Giám Mục Bá Đa Lộc (Pigneau de Béhaine) đem qua Pháp từ lúc ông lên bảy tuổi để vận động Pháp Hoàng giúp cho Nguyễn Ánh lấy lại đất nước đã lọt vào tay quân Tây Sơn, rửa tội và dạy dỗ từ tấm bé. Thái Tử Cảnh là người rất nhân từ, thông thái, đã mắc chứng bệnh đậu mùa và chết lúc 21 tuổi. Sau cái chết của ông, số phận người Công Giáo tại VN đã đi vào khúc rẽ khác bi thảm hơn.

2.- Câu chuyện về Eddie Ngo: Từ một Y khoa Bác sĩ trở thành một Linh mục Dòng Tên.

Sau khi cha mẹ và năm người con rời khỏi Việt Nam năm 1975, Eddie Ngô, SJ, sinh ra tại Fort Chaffee, Aekansas. Sau một thời gian ngắn định cư tại Indianapolis, gia đình anh đến cư trú tại North Texas. Lớn lên trong một gia đình Phật Giáo, Eddie trở lại đạo Công Giáo sau khi theo học tại Viện Đại học Dallas, tốt nghiệp Cử nhân Sinh Hoá. Sau đó anh hoàn tất học vị bác sĩ Y khoa tại UTHealth Houston McGovern Medical School. Trong khi đào luyện gắt gao và tập việc như một thầy giáo trung học và một bác sĩ gia đình, Eddie dạy ở trường ngày Chúa Nhật,

hướng dẫn lớp Thánh Kinh tham gia các lớp âm nhạc phục vụ trong các sứ vụ về y khoa, tham dự vào Cộng Đoàn Đời Sống Ki Tô Hữu ĐỒNG HÀNH cùng các cuộc tĩnh tâm. Sau ba năm hành nghề y khoa, anh đã gia nhập Dòng Tên vào năm 2012.

Là một tập sinh, anh dạy tiếng Anh cho tổ chức MEND (Meeting Every Need with Dignity) ở San Fernado Valley ở Calofornia, tương tác làm việc với những người hiện đương và cựu tù của Sở Phục Hồi Pháp Lý thuộc Tổng Giáo phận Los Angeles, viếng thăm các bệnh nhân trong tư cách tuyên uý của Trung Tâm Y Khoa Thánh Phanxicô ở Lynwood, California; thành lập một dưỡng đường ở Kino Border Initiative tại Nogales, Sonora, Mexico và bắt đầu thực tập như một giám đốc tinh thần. Trong các ngành học đầu tiên, Eddie học tiếng Tây Ban Nha và nghiên cứu triết học tại ITESO (Instituto Tecnológico y Estudios Superiores de Occidente) ở Guadalajara, Mexico.

Với cương vị nhiếp chánh, anh dạy môn vật lý cho sinh viên năm thứ hai và hình thành đức tin cho học sinh năm đầu Trường Trung Học Dòng Tên ở Portland, Oregon; đã hoàn tất một luận văn ở Trung tâm Thánh tâm Dòng Tên ở Los Gatos, California và làm việc như là một Giám đốc chương trình ban phép thánh tẩy tại Trường Đại Học Santa Clara. Sau đó Eddie lấy được bằng Cao Học về Thánh Thiêng, Cao Học Thần Học và Chứng chỉ về Thần học Thánh ở Học viện Thần học Dòng Tên tại Viện Đại Học Santa Clara chuyên môn về sự truyền thông bất bạo động. Anh cũng phục vụ như một Phó tế ở Thánh đường St. Theresa tại Oakland, California, và tại Giáo xứ St. Clare ở Santa Clara, California. Sau khi được truyền chức linh mục, Eddie sẽ về làm cha phó tại giáo xứ St. Francis Xavier ở Phoenix.

Eddie cũng từng phục vụ tại Ethiopia năm 2008 với tư cách một bác sĩ trong một nghiệp vụ y khoa.

Năm 2017, một lần tôi xuống Houston thăm gia đình người con trai thứ hai của tôi là Phó Tế Phêrô Nguyễn Đức Cường phục vụ tại Giáo Xứ Đức Kitô Ngôi Lời Nhập Thể và có gặp anh này tại nhà con tôi khi anh ấy đến thăm vì là một trong những người bạn thân với con tôi, và nghe nói anh ấy vốn thuộc một gia đình Phật Giáo nhưng anh đã trở lại Công Giáo và đang theo học tại một đại chủng viện Dòng Tên để làm linh mục. Tôi thấy vui trong lòng.

Ngày 9/6/2023 tôi từ Houston trở về lại Philadelphia sau chuyến đi nghỉ hè trong khi vợ chồng con trai tôi cũng từ Houston đi San Francisco để tham dự lễ phong chức linh mục của Eddie Ngo. Thánh lễ truyền chức linh mục do Đức Cha Gerald Frederick Kicanas, Bishop Emeritus của Tucson, tổ chức tại nhà thờ Công Giáo Blessed Sacrament ở California, chiều ngày 10/6/2023.

Ngày 10/7 tôi nhận được bài giảng lễ của Phó tế Cường tại Giáo xứ Holy Family, Texas, Chúa Nhật XIII Thường Niên nguyên văn bằng tiếng Anh, xin dịch ra như sau:

*"**Một người môn đệ đích thực**"*

Khoảng ba tuần lễ trước đây, vợ tôi và tôi đã đi Hollywood, CA để dự lễ phong chức linh mục của bạn tôi, Eddie Ngo. Khi máy bay đáp xuống, chúng tôi thuê một chiếc xe và đến thẳng nhà thờ để kịp cho buổi diễn tập. Chúng tôi tới trể một chút trong khi vị Giám Mục, các linh mục, chủng sinh và các tiến chức đang chờ chúng tôi. Khi chúng tôi vào bãi đậu xe với một chiếc xe hơi thể thao màu cam, bạn tôi đón chào chúng tôi với vẻ mặt lặng đi vì kinh ngạc. Có lẽ anh này đang tự hỏi: "Anh chàng phó tế này là cái giống gì vậy?" Tôi cười và nói: "Tôi không làm gì khác hơn. Người ta cho mướn sao thì tôi phải nhận vậy." Dù sao thì chúng tôi cũng đã tới trể một chút, tôi nghĩ là chúng tôi sẵn sàng đi Hollywood.

Khoảng hai mươi năm về trước, tôi gặp Eddie tại nhà thờ Công Giáo Thánh Vincent de Paul khi anh ta còn là sinh viên Y khoa. Nhóm nhà thờ chúng tôi đã trở nên rất thân thiết với anh và tôi đã mời anh phục vụ tại giáo xứ trước đây của tôi, Giáo xứ Đức Ki Tô Ngôi Lời Nhập Thể. Chúng tôi cùng với các người lãnh đạo khác phục vụ trong các lớp dạy giáo lý, các cuộc tĩnh tâm và sứ vụ tuổi trẻ. Chúng tôi chơi với nhau trong ca đoàn tại các buổi lễ của giới trẻ. Anh ta còn đóng vai cả những nhân vật trong các cuốn phim của Hollywood có những vở kịch ngắn nhại về tôn giáo. Đó là những chuỗi ngày cũ đẹp đẽ khi chúng tôi còn trẻ và không biết sợ là gì! Bây giờ chúng tôi đã già và cũng đã biết sợ!

Eddie lớn lên trong một gia đình Phật Giáo. Tuy nhiên, sau khi theo học tại một trường đại học Công Giáo, anh ta đã trở lại và thành một người Công Giáo. Thật rất đỗi khó khăn với cha mẹ của anh vì họ là những người Phật tử sùng đạo. Tuy vậy, nhờ sự tìm hiểu và kinh nghiệm của anh, anh đã tiến tới việc biết Chúa Giê Su và một Giáo Hội chân thực của anh. Khi người ta đã tìm thấy Con Đường, Sự Thật, Sự Sống, và Tình Yêu, người ta những muốn hy sinh để đạt được tất cả. Anh ta đã đặt tình yêu Đức Giê Su trên tình yêu cha mẹ anh. Anh ta đã đặt Giáo Hội mà Đức Giê su đã thiết lập trên tôn giáo mà anh đã từng được dạy dỗ. Tôi nhớ lại đã từng giúp đỡ một người Hồi Giáo và chia xẻ với ông này về Đức Giê su, với hy vọng rằng ông ta sẽ trở lại đạo. Tuy nhiên, ông ta bảo tôi rằng tôn giáo của ông cũng giống là mẹ đẻ của ông vậy. Ông ta không thể lìa bỏ mẹ của ông được. Trái lại, Eddie đã có ý muốn bỏ cuộc sống trước đây và tôn giáo ngay cả hy sinh từ bỏ mối

liên hệ với cha mẹ của mình. Trong khi làm chết đi cái cũ của mình, anh ta đã nhận được đời sống mới trong Đức Giêsu Kitô và đã trở thành người môn đệ đích thực của Chúa. Anh đã đáp lại lời mời gọi của Chúa Giê Su để phục vụ Thiên Chúa và tha nhân trong nhiều sứ vụ trong khi anh vẫn tiếp tục việc học của anh tại trường Y khoa. Anh đã lớn lên trong đức tin và sự cam kết đồng thời anh đã hoàn tất việc học hành của mình để trở thành một bác sĩ. Sau năm năm phục vụ người khác trong cương vị là bác sĩ và nhiều năm là môn đệ của Chúa Giê Su, anh cảm được một lời mời gọi sâu xa trong đời sống làm linh mục. Sau khi Chúa Giê Su đã hỏi Phê Rô ba lần, "Con có yêu Thầy không?", rồi Người nói: "Thật, Thầy bảo thật cho anh biết: lúc còn trẻ, anh tự mình thắt lưng lấy, và đi đâu tuỳ ý. Nhưng khi đã về già, anh sẽ phải dang tay ra cho người khác thắt lưng và dẫn anh đến nơi anh chẳng muốn." (Gioan 21:18). Bạn tôi một lần nữa đã tuân phục theo ý Thiên Chúa và đáp lại tiếng gọi của Người. Anh ta đã bỏ nghề nghiệp, danh dự, và sự giàu sang của một bác sĩ để trở thành một linh mục, sống một cuộc sống khiêm hạ với tiền bạc ít ỏi. Cha mẹ của anh đã từng như muốn vỡ tim ra lúc bấy giờ khi nghe quyết định của anh là bỏ cả sự nghiệp để trở thành một linh mục. Thật rất đỗi khó khăn đối với biết bao nhiêu bậc cha mẹ ở trần gian để hiểu được và chấp nhận chuyện đó. Tuy nhiên, để trở nên những người môn đệ chân chính của Chúa Ki Tô, điều đó có rất nhiều ý nghĩa. Đi theo Chúa Ki Tô có nghĩa là bỏ tất cả mọi sự ở lại, vác lấy thập giá của mình, và theo Người bất cứ ở đâu Người dẫn ta đi. Điều đó cũng có nghĩa là để Chúa Giê Su ban cho chúng ta một căn cước mới đó là làm người môn đệ của Chúa Ki Tô và hy sinh cuộc sống của chúng ta vì tình yêu đối với Chúa Giê Su và với mọi người.

Trong ngày lễ phong chức linh mục của bạn tôi, tôi đến nơi trong chiếc xe hơi thể thao màu cam và sẵn sàng đóng vai phó tế trong cuộc lễ phong chức này. Thật là trọng thể khi tháp tùng và phụ giúp anh ấy khi anh hoàn tất chặng đường dài 12 năm và bước vào chức vụ linh mục. Các trang phục lễ nghi đã sẵn sàng cho chúng tôi. Cả hai chúng tôi đã bận xong áo lễ và được dẫn ra trong một cuộc rước kiệu tiến về bàn thờ của Thiên Chúa. Giáo dân đã tụ lại với nhau, cất cao giọng hát, cầu nguyện và hỗ trợ các tiến chức. Bầu không khí như tràn đầy cung bậc hát xướng từ trời cao vọng xuống và sự Hiện diện của Chúa Thánh Linh chợt thể hiện khi Đức Giám Mục khởi đầu phần Mục vụ. Sau hai bài đọc, tôi tiến lên phía bục giảng để tuyên bố bản Tin Mừng và nhắc lại những câu nói sau đây của Chúa Giê Su:

"Như Chúa Cha đã yêu Thầy, Thầy cũng yêu anh em như vậy."

"Nếu anh em giữ lời dạy của Thầy, anh em sẽ ở lại trong tình yêu của Thầy."

"Đây là điều răn của Thầy: hãy yêu nhau như Thầy yêu anh em"

"Không có tình yêu nào lớn hơn tình yêu của người thí mạng sống mình vì anh em".

"Anh em là bạn hữu của Thầy nếu anh em làm điều Thầy đã dạy anh em."

"Không phải anh em đã chọn Thầy nhưng là Thầy đã chọn anh em và sai anh em đi để sinh được hoa trái và hoa trái anh em tồn tại. (Gioan 15:9-17).

Sau phần công bố Tin Mừng, tôi xướng lên: "Xin mời các vị sẽ được phong linh mục tiến lên phía trước. Bạn tôi và ba tiến chức khác nối nhau đáp lời: "Có mặt". Kế đó là Lời hứa của Tiến chức và Lời hứa Vâng phục. Sau đó Ca đoàn và Cộng đoàn Dân Chúa hát Kinh Cầu Các Thánh và các tiến chức phủ phục trước bàn thờ hoàn toàn quy phục Thiên Chúa khiến tôi nhớ lại ngày tôi quy phục Chúa trong Thánh lễ Phong chức của tôi. Mọi người đều cảm nhận được các thánh đã hiệp thông cùng với lời cầu xin của họ dâng lên Thiên Chúa Toàn Năng. Vị Giám Mục kế đó đã đặt tay trên đầu của mỗi tiến chức rồi ngài đọc kinh cầu Phong chức. Tiếp theo, các vị được phong chức linh mục giang tay ra để các vị linh mục khác khoác phẩm phục cho mình. Bạn tôi trông thật giống như Chúa Giê Su với mái tóc dài và phẩm phục linh mục. Thật là xúc động khi nhìn thấy tình yêu tận hiến của ngài và sự kết nối mật thiết của ngài với Thiên Chúa, hy sinh mọi thứ ngài đã có. Theo lời bạn tôi nói, "Đây chính là sự hy sinh rất thích hợp với mình." Sau khi mặc phẩm phục, các tiến chức linh mục bước đến quỳ trước mặt Đức Giám Mục để được xức dầu thánh. Tôi rót dầu trên bàn tay vị Giám Mục và ngài xoa vào hai bàn tay vị tân linh mục. Rồi các vị tân linh mục đồng tế trong Thánh lễ Phong chức. Tất cả chúng tôi đều được no say trong Thánh Thể, chúc tụng và tạ ơn Thiên Chúa vì tình yêu lớn lao của Người và vì những ân sủng ban cho bốn tân linh mục để yêu thương và phục vụ Dân Chúa. Đây là lần đầu tiên tôi phục vụ như một Phó Tế trong thánh lễ phong chức linh mục, và tôi đã phải nói rằng đây quả thật là một kinh nghiệm tốt đẹp bằng trời mà không chữ nghĩa nào có thể diễn tả đầy đủ hết được. Mặc dù cha mẹ của bạn tôi đã không hiện diện nơi đó để nâng đỡ anh trên hành trình và đời sống mới trong tư cách một linh mục, anh cũng đã được sự hỗ trợ của ba người chị em ruột cùng rất đông bạn hữu hoàn toàn đứng chật cả cung thánh. Cả và trời cao cũng đã kết hợp vui mừng trong lễ truyền chức trọng đại này.

Bạn tôi đã thật sự sống sứ điệp Tin Mừng bởi tình yêu tận hiến của anh cho Chúa Giê Su. Anh đã bỏ tất cả mọi sự, vác thánh giá và đi theo Chúa Giê Su. Khi bỏ đi cuộc sống của mình, anh có được một đời sống mới tràn đầy vui mừng, bình an

và ân sủng trời cao. Anh đã có thêm nhiều tình bạn lớn lao và đại gia đình trong Thiên Chúa.

Tuần vừa qua, bạn tôi, Cha Eddie Ngo, đã tới Houston đã dâng hai thánh lễ mở tay trong vai chủ tế tại nhà thờ Thánh Vincent de Paul và nhà thờ Đức Ki Tô Ngôi Lời Nhập Thể để cảm tạ Thiên Chúa và cám ơn cộng đoàn vì những lời cầu nguyện của họ và cũng để thăm viếng bạn bè trước khi cha bắt đầu sứ vụ mới. Như người đàn bà đã đón tiếp tiên tri Elisha và chuẩn bị một căn phòng cho ông ta, gia đình tôi và tôi đã đón tiếp và chuẩn bị một phòng ở lầu trên cho cha. Tôi đã cho cha mượn một chiếc xe, cả áo quần nữa để cha có thể đi đây đó tự do thoải mái và làm các việc mục vụ. Đó là lý do vì sao tôi phải dùng xe Uber để về nhà sau thánh lễ Chúa Nhật vừa rồi. Lúc bấy giờ, gia đình tôi và tôi đi nghỉ hè để tìm sự nghỉ ngơi giữa cuộc sống khá bận rộn và cũng để cho Cha Eddie có nhà cửa thênh thang để ngài tìm được sự bình an, thinh lặng, và tĩnh dưỡng. Ngài cũng đã vui vẻ trông nom nhà cửa cho chúng tôi, con thú cưng nuôi trong nhà, gia đình chúng tôi có sự hiện diện của ngài, lời cầu nguyện và nhiều ơn lành. Khi chúng tôi về nhà, cha đã rời nhà trước đó một ngày để lại cho chúng tôi ba tặng vật: một tấm thiệp, một cái nạo bình lọc cà phê và một bức tượng Thánh Giuse đang ngủ. Cha cám ơn chúng tôi đã đón tiếp cha trong nhà chúng tôi và đã cho cha một chỗ để nghỉ ngơi đầu óc. Suy nghĩ sâu xa hơn, chúng tôi biết rằng Thiên Chúa đã ban thưởng cho chúng tôi quá nhiều vì chúng tôi đã tiếp nhận một người môn đệ đích thực của Chúa. Khi làm như vậy, chúng tôi đã tiếp nhận Thiên Chúa và phần thưởng của một người môn đệ đích thực, một người đang làm mất đi cuộc sống của mình vì vương quốc của Thiên Chúa. Đối với tôi, ba tặng phẩm này mang ý nghĩa rất sâu xa: Tấm thiệp tượng trưng cho lá thư tình từ Thiên Chúa gửi đến cho chúng tôi, đang kêu mời chúng tôi đáp lại tiếng gọi của Người bước vào mối quan hệ thương yêu với Người. Chúng tôi phải đáp lại với tiếng "Xin vâng" và cám ơn Thiên Chúa vì hồng ân thương yêu của Người. Cái nạo bình cà phê nói lên ý nghĩa rằng Thiên Chúa muốn tẩy rửa chúng ta sạch mọi tội lỗi và ban cho chúng ta một cuộc sống mới qua phép Thánh Tẩy. Người muốn chúng ta được tự do, có một đời sống sung mãn và tận hưởng mùi vị của nước trời. Sau cùng, đối với bức tượng Thánh Giuse đang ngủ, bạn tôi đã viết rằng, "Thiên Chúa ban cho chúng ta nhiều giấc mộng và muốn chúng ta được nghỉ ngơi nhiều lần."

Kính thưa anh chị em,

Thiên Chúa có nhiều giấc mơ cho chúng ta. Chúa nói: "Tôi có nhiều kế hoạch muốn ban cho các anh em…kế hoạch thịnh vượng chứ không phải tai ương, là ban cho các anh em một tương lai và một niềm hy vọng." (Giêrêmia 29:11). Chúa Giê Su đang mời gọi chúng ta bước theo các kế hoạch của Người với đời sống sinh nhiều hoa trái trên mặt đất và cuộc sống vĩnh cửu trên thiên đàng. Với tình thương lớn lao, chúng ta phải vác thánh giá lên và đi theo Chúa. Đừng sợ! Hãy làm một môn đệ đích thực của Chúa Giê Su!"

Phó Tế Phêrô Nguyễn Đức Cường
Giáo Xứ Thánh Gia, Texas

Nguyễn Đức Cung
Philadelphia 22 /7/2023

Đính kèm một số hình ảnh từ trên xuống dưới và từ trái sang phải:

- Hình linh mục Sảng Đình NGUYỄN VĂN THÍCH chụp năm 1926 khi mới thụ phong linh mục.
- Hình thủ bút bài thơ Vật lý suy nguyên (thủ bút của Cha Thích)
- Hình nữ thánh Kateri Tekakwitha
- Hình Cha Eddie Ngo, SJ
- Chân dung Hoàng tử Cảnh, con trai vua Gia Long (1802-1820)

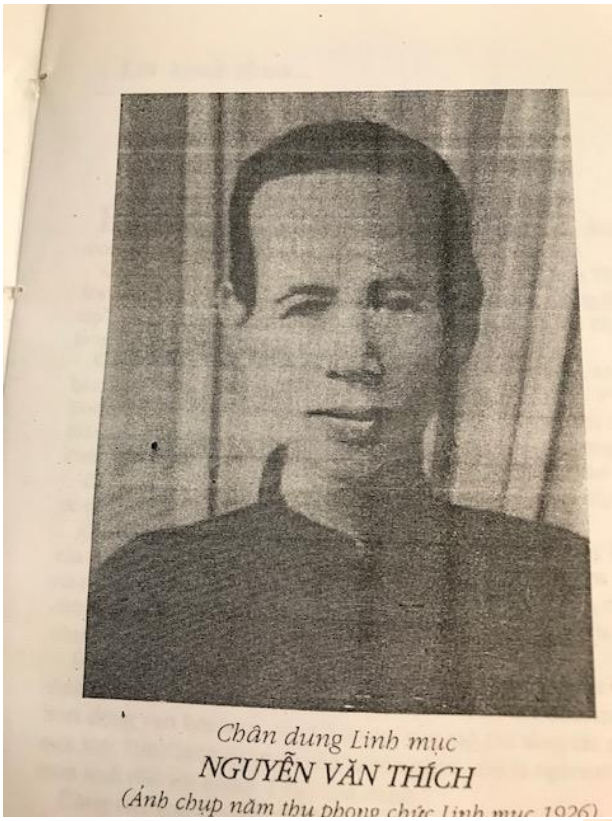

Chân dung Linh mục
NGUYỄN VĂN THÍCH
(Ảnh chụp năm thụ phong chức Linh mục 1926)

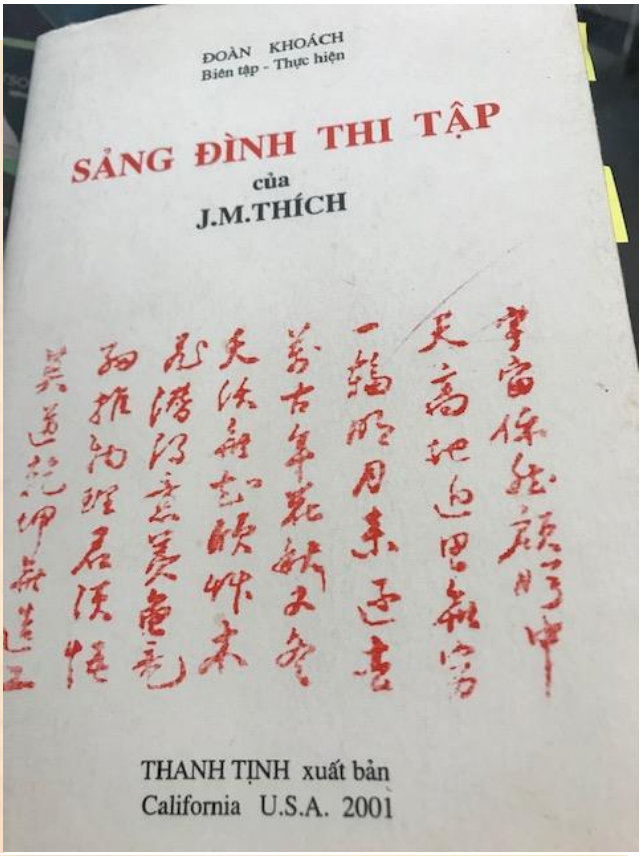

ĐOÀN KHOÁCH
Biên tập - Thực hiện

SẢNG ĐÌNH THI TẬP
của
J.M.THÍCH

THANH TỊNH xuất bản
California U.S.A. 2001

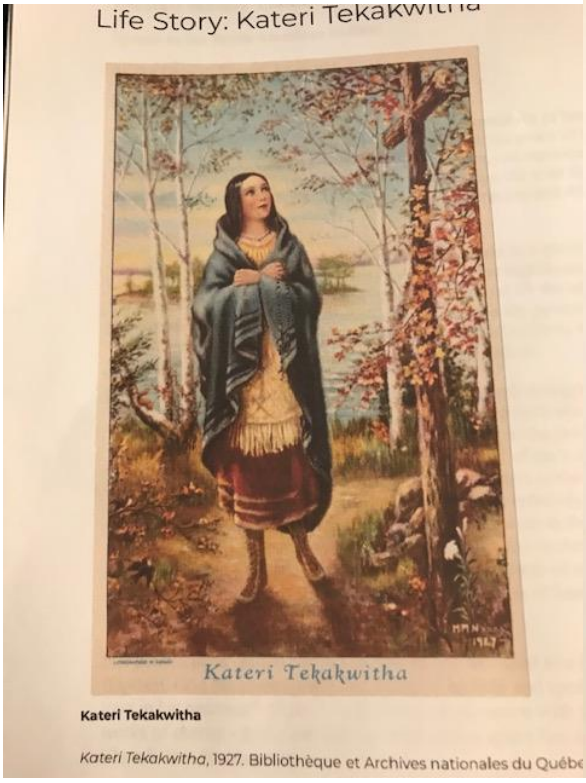

Kateri Tekakwitha

Kateri Tekakwitha, 1927. Bibliothèque et Archives nationales du Québe

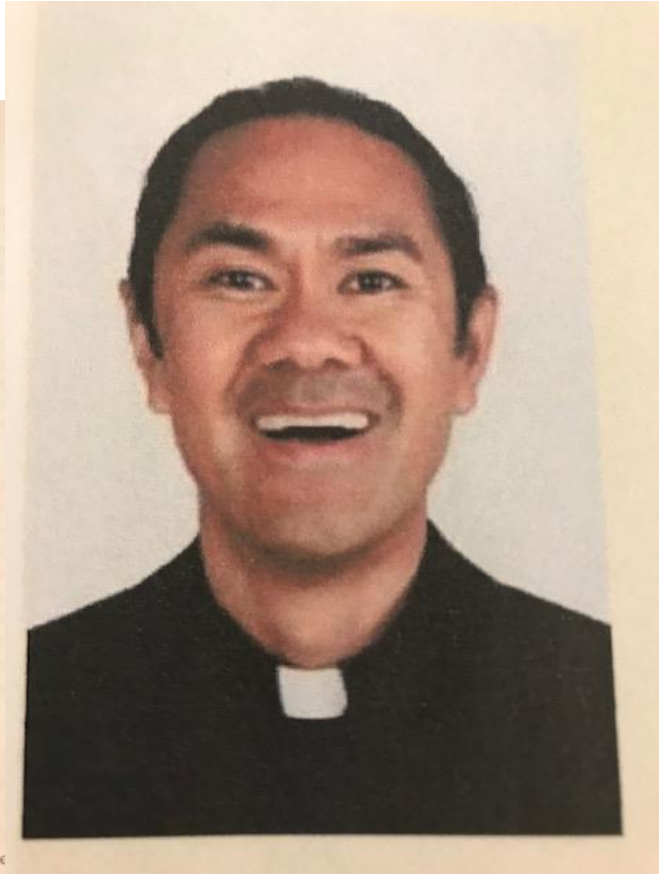

Chân dung hoàng tử Cảnh lúc bảy tuổi do họa sĩ Maupérin vẽ tại Pháp vào năm 1787